VISecurities

19/04/2021

Bản tin chứng khoán



Trong số này

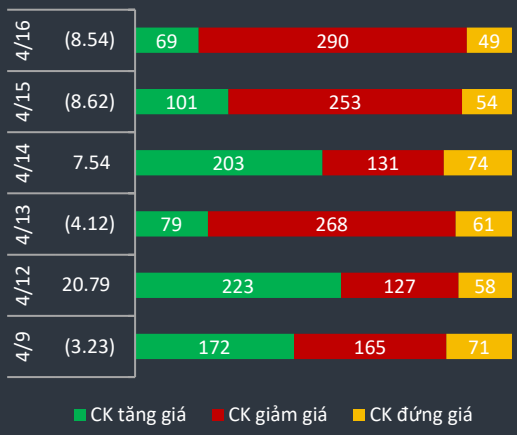
Nhận định P.1

Danh mục CP P.2

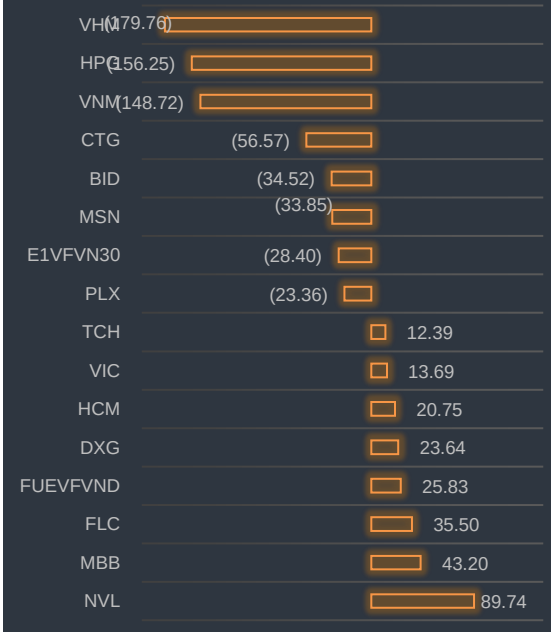
Tin Doanh nghiệp P.3

Bộ lọc CP P.4

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

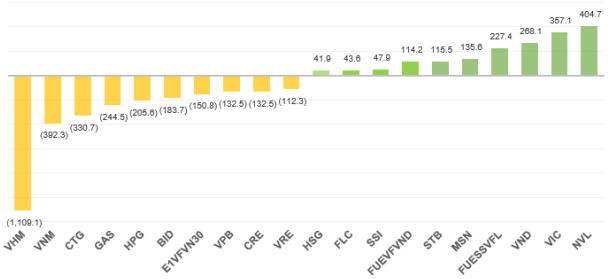


Thị trường phiên cuối tuần tiếp tục trạng thái điều chỉnh với áp lực bán ra nhiều hơn. Tổng giá trị giao dịch khớp lệnh riêng sàn HOSE đã lên đến 20 ngàn tỷ đồng trong đó đứng đầu giao dịch là các mã HPG, STB, CTG và FLC. Có đến gần 300 cổ phiếu giảm so với chỉ 70 cổ phiếu tăng điểm. Dù thanh khoản đạt ở mức cao nhưng mức giảm của thị trường chung chỉ ở mức vừa phải nhờ chỉ số index được đỡ giá. VN30 vẫn còn những cổ phiếu tăng rất mạnh như NVL, PDR, và có thêm VIC, MWG, MWG vẫn giữ xanh điểm.

Nhóm cổ phiếu đầu cơ vẫn còn động lực rất tốt ở các mã ROS, HQC, FLC, HAI. Nếu không nhờ nhóm cổ phiếu penny tạo sóng có lẽ thị trường sẽ còn ảm đạm nhiều hơn. Nhóm ngân hàng có LPB, EIB, NVB xanh điểm trong khi nhóm bank lớn đều giảm điểm. Riêng ABB, TPB, OCB giảm hơn 3%.

Dù thị trường chung khá xấu nhưng nhóm ngành thép vẫn đứng vững khá tốt ở hàng loạt cổ phiếu như HPG, HSG, NKG, TLH, HMC. Đối với xuất khẩu, theo Hiệp hội thép Thế giới, nhu cầu thế giới dự kiến sẽ tăng 4,1% trong năm 2021 sau khi giảm 2,4% vào năm 2020 - được thúc đẩy bởi sự phục hồi ở các thị trường phát triển. Giá thép sẽ được duy trì ở mức khá cao cho tới cuối năm 2021 nhờ sự thiếu hụt nguồn cung tạm thời cùng với sự hỗ trợ của thuế tự vệ.

Khối ngoại phiên cuối tuần bán ròng 517 tỷ đồng. tính chung cả tuần khối ngoại có 5 phiên bán ròng tổng cộng đến hơn 2,200 tỷ đồng. Riêng VHM trong tuần đã bán ròng hơn 1,100 tỷ đồng cùng với VNM, CTG, GAS, HPG, BID. Nhóm mua vào nhiều nhất có NVL hơn 404 tỷ, VIC 357 tỷ.

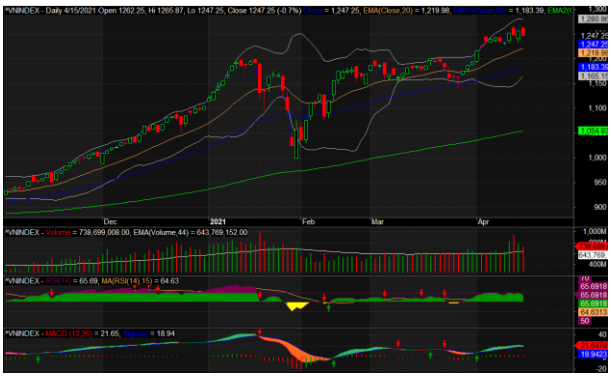


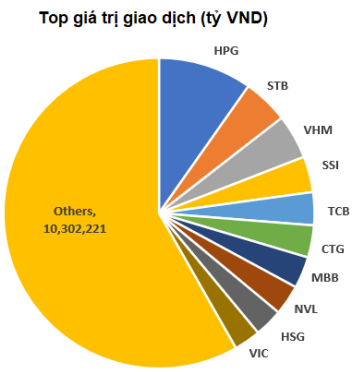
Vnindex 1,238.71

▼ -8.54 (-0.68%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	56.1	3,600	6.86
NVL	108.0	5,500	5.37
PDR	71.0	3,400	5.03
VIC	143.0	2,100	1.49
MWG	134.0	300	0.22
HPG	54.6	100	0.18
MSN	100.1	100	0.10
GAS	86.0	-	-
VRE	34.0	(50)	(0.15)
VHM	101.0	(200)	(0.20)
FPT	79.7	(300)	(0.38)
CTG	42.0	(200)	(0.47)
DHG	97.5	(900)	(0.91)
TCB	40.5	(450)	(1.10)
STB	22.1	(250)	(1.12)
PNJ	90.9	(1,100)	(1.20)
VCB	96.3	(1,200)	(1.23)
MBB	30.2	(400)	(1.31)
REE	51.0	(700)	(1.35)
POW	13.2	(200)	(1.49)
SAB	169.1	(2,600)	(1.51)
VIB	51.0	(900)	(1.73)
HVN	31.0	(600)	(1.90)
VJC	129.0	(2,700)	(2.05)
VPB	49.0	(1,050)	(2.10)
VNM	96.9	(2,200)	(2.22)
ACB	33.1	(750)	(2.22)
BID	42.0	(1,050)	(2.44)
SSI	34.0	(850)	(2.44)
HDB	26.7	(700)	(2.56)
BVH	57.9	(1,600)	(2.69)
PLX	52.8	(1,600)	(2.94)
TPB	27.7	(1,100)	(3.82)
GVR	25.5	(1,150)	(4.32)





So với tuần trước, chỉ số Vnindex vẫn tăng nhẹ khoảng 7 điểm. Xu hướng chung của đường Vnindex vẫn tịnh tiến đi lên tuy nhiên thanh khoản cao và giá đang co giật mạnh cho tín hiệu phân phối trong ngắn hạn của đường giá. Tuần vừa rồi kịch bản lặp lại của tuần trước đó với phiên tăng mạnh đầu tuần nhưng đuối dần những phiên sau đó. Kịch bản trong tuần mới có thể sẽ còn điều chỉnh và thậm chí sẽ có những cú giật mạnh hơn. Nhà đầu tư ưu tiên thu hẹp danh mục, chốt lãi dần ở những phiên tăng điểm.

Danh mục nắm giữ

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	25.5	1.00	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 28	3/3/2021	34.2%
CTG	42.0	1.00	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 50	2/3/2021	20.3%
OCB	24.0	1.00	18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	14.3%
HPG	54.6	10.20	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 60	2/3/2021	30.0%
FPT	79.7	(2.90)	55	75	Nắm giữ. Chốt lãi quanh 82-84	2/3/2021	13.9%
DIG	28.4	(7.30)	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	-3.7%
MBB	30.2	(3.70)	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	24.3%
STB	22.1	(2.60)	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 25	2/3/2021	22.8%
GVR	25.5	(10.50)	20	32	Nắm giữ. Chốt lãi quanh 31-33	2/3/2021	2.0%
PNJ	90.9	0.70	75	90	Mua quanh 75-80. Mục tiêu 90	2/3/2021	9.7%
MWG	134.0	0.50	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	5.1%
HNG	12.2	(0.40)	11	16	Mua quanh 11-12. mục tiêu 16	3/22/2021	6.1%
VCB	96.3	(1.20)	90	110	Mua quanh 90-95	2/3/2021	-2.6%
VPB	49.0	3.70	30	40	Chốt lãi quanh 50	2/3/2021	38.0%
HSG	31.5	4.30	18	28	Chốt lãi quanh 32 - 33	2/3/2021	31.8%
DGW	130.0	1.00	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chuẩn bị chốt lời

Cổ phiếu đang tăng tốt

Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

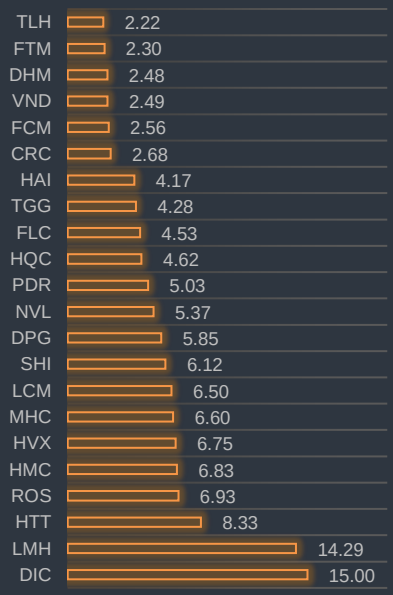
Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%.năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh những sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

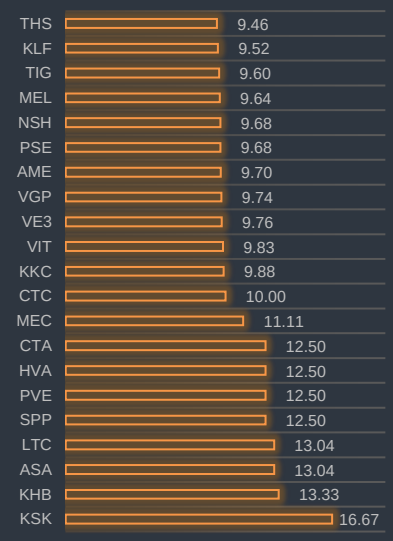
EPS: Cập nhật đến Q1.2021



Top tăng giá HOSE



Top tăng giá HNX



HSG - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Ước đạt kết quả kinh doanh hợp nhất tháng 3/2021 với sản lượng tiêu thụ hơn 214 nghìn tấn, doanh thu thuần 4.522 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 501 tỷ đồng. Như vậy, lũy kế 6 tháng năm tài chính 2020 - 2021, HSG ước đạt doanh thu hơn 19.940 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế lên đến 1.406 tỷ đồng, hoàn thành tới 93,73% kế hoạch (1.500 tỷ đồng).

PPC - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Trong quý đầu năm, doanh thu thuần của PPC ghi nhận giảm hơn một nửa, xuống còn 1,079 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí lãi ròng tăng nhẹ so với cùng kỳ, đạt hơn 138 tỷ đồng.

TV2 - CTCP Tư vấn xây dựng điện 2 - Năm 2021 đặt mục tiêu đạt 3.682 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 10% so với doanh thu đạt được năm 2020. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế đi ngang với gần 327 tỷ đồng.

TMP – CTCP Thủy điện Thác Mơ – Năm 2021 lên kế hoạch sản lượng năm 2021 đạt 681 GWh. Tổng doanh thu và lãi sau thuế dự kiến ở mức 563 tỷ đồng và 226 tỷ đồng, lần lượt tăng 15% và 23% so với thực hiện trong 2020.

HMC - Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – Vnsteel - Doanh thu thuần trong kỳ đạt 1.116,4 tỷ đồng tăng 40% so với cùng kỳ, sau khi trừ chi phí HMC báo lãi sau thuế 64,5 tỷ đồng cao gấp 10 lần cùng kỳ tương đương EPS đạt 3.080 đồng – Đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất theo quý trong lịch sử hoạt động của HMC.

TDS - CTCP Thép Thủ Đức – VNSTEEL – Đã công bố BCTC quý 1/2021 với doanh thu thuần hơn 601 tỷ đồng và lãi ròng 12,8 tỷ đồng, lần lượt tăng xấp xỉ 23% và 46% so với cùng kỳ năm trước.

VCA - CTCP Thép VICASA – VNSTEEL - Trong quý đầu năm, VICASA đạt 688 tỷ đồng doanh thu thuần và 11,4 tỷ đồng lợi nhuận ròng tăng trưởng 46% và 44% lần lượt đối với doanh thu và lợi nhuận so với quý 1/2020.

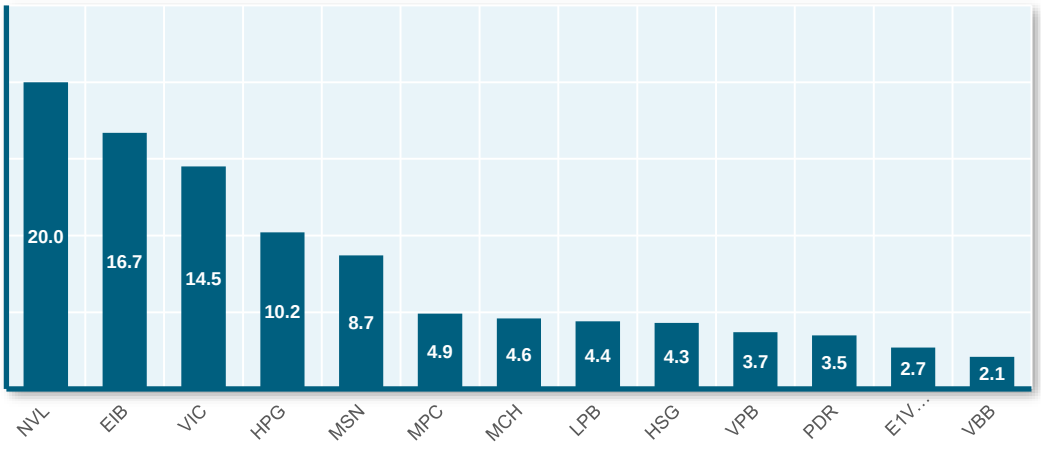
MPC - CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú – Năm 2021 đặt kế hoạch doanh thu gần 15,8 ngàn tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước, và mục tiêu lãi sau thuế 1,4 ngàn tỷ đồng, tăng trưởng đến 108%.

CNG - CTCP CNG Việt Nam - Thông báo kết quả kinh doanh quý I/2021 với doanh thu đạt hơn 644,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 17,5 tỷ đồng.

VSC - CTCP Container Việt Nam - Thông báo, ngày 29/4/2021 sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%. Thanh toán bắt đầu từ ngày 19/5/2021.

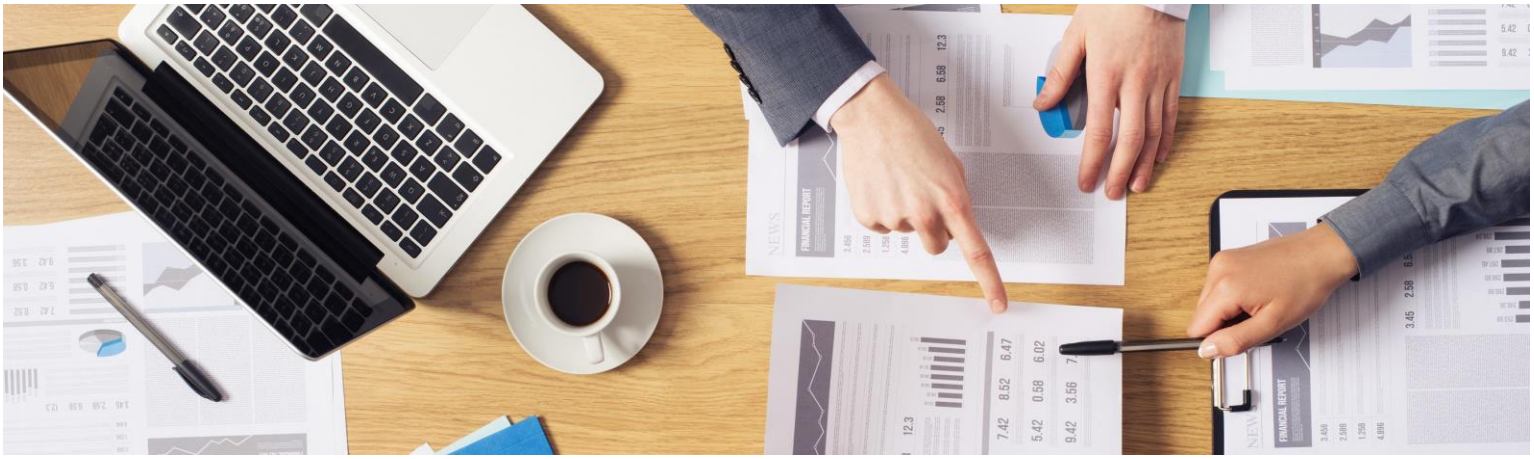


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

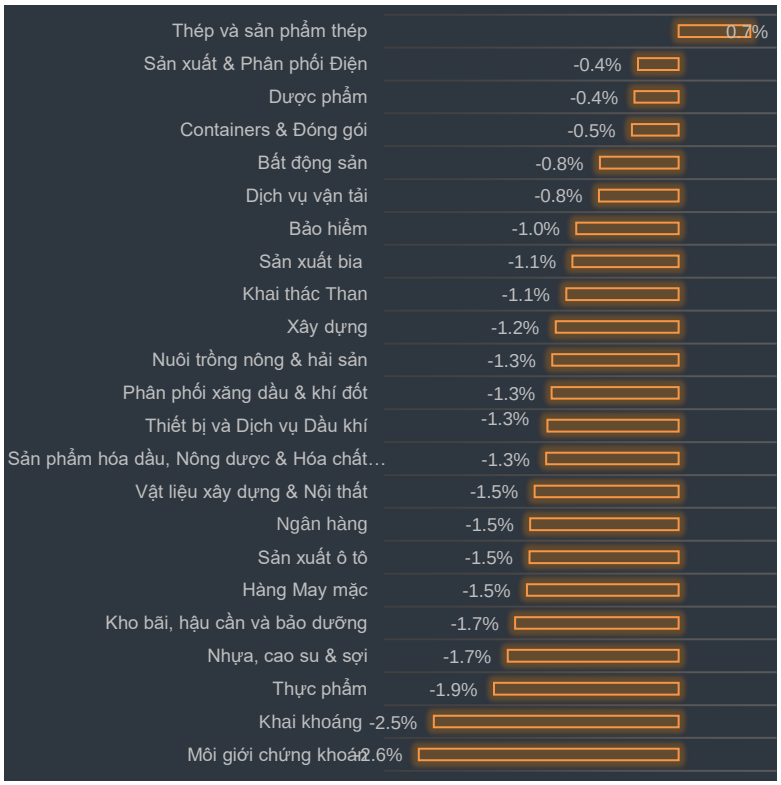
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	17.0	6,027,301	6.5	1.1	-	-	9,712	-	2,611	15,600
ACB	HOSE	33.1	8,403,400	7.9	2.0	-	300	71,548	30.00	4,192	16,399
BAB	HNX	27.6	50,600	30.8	2.3	-	-	19,555	-	895	11,814
BID	HOSE	42.0	4,667,300	24.1	2.1	38,300	853,800	168,925	16.91	1,740	19,803
CTG	HOSE	42.0	21,441,800	11.4	1.8	12,600	1,328,700	156,383	26.23	3,678	22,939
EIB	HOSE	26.2	1,409,900	30.1	1.9	600	27,400	32,211	29.83	870	13,681
HDB	HOSE	26.7	4,639,500	6.7	1.7	588,000	140,300	42,474	16.87	3,988	15,500
LPB	UPCOM	19.0	21,676,500	9.9	1.4	34,100	1,054,800	20,364	4.91	1,913	13,243
MBB	HOSE	30.2	17,708,300	9.1	1.7	1,966,100	533,600	84,522	22.88	3,329	18,066
MSB	HOSE	22.2	4,800,500	13.0	1.5	6,600	203,000	25,628	30.00	1,712	14,362
NVB	HNX	17.6	4,791,400		1.7	5,000	-	7,160	14.43	3	10,479
OCB	HOSE	24.0	5,066,100	7.4	1.5	18,800	12,100	26,302	15.00	3,225	15,910
SHB	HNX	25.8	22,365,826	16.0	1.9	13,000	1,900	45,163	6.50	1,611	13,693
SSB	HOSE	27.3	574,400	24.2	2.4	-	-	32,999	-	1,126	11,310
STB	HOSE	22.1	41,485,000	14.9	1.4	230,600	410,900	39,861	10.34	1,487	16,054
TCB	HOSE	40.5	15,488,700	11.5	1.9	1,038,740	1,038,740	141,773	22.49	3,521	21,289
TPB	HOSE	27.7	9,357,800	6.6	1.7	404,820	672,520	28,577	30.00	4,208	16,231
VCB	HOSE	96.3	1,515,900	19.4	3.6	233,800	167,800	357,165	23.31	4,974	26,655
VIB	HOSE	51.0	367,600	10.4	3.1	200	-	56,579	20.48	4,925	16,202
VPB	HOSE	49.0	7,968,700	11.5	2.3	1,706,100	1,732,300	120,160	22.69	4,272	21,507
			199,806,527	14.29	1.96	6,297,360	8,178,160	1,487,060		2,714	16,537



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TDS	UPCoM	7/5/2021	10/5/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	VCI	HOSE	29/04/2021	4/5/2021	17/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TNB	UPCoM	28/04/2021	29/04/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SED	HNX	27/04/2021	28/04/2021	18/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	BAX	HNX	23/04/2021	26/04/2021	26/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 13,093 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VNC	HNX	23/04/2021	26/04/2021	20/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	NHC	HNX	20/04/2021	22/04/2021	10/5/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	BKH	UPCoM	19/04/2021	20/04/2021	7/5/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PRC	HNX	19/04/2021	20/04/2021	14/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CVT	HOSE	19/04/2021	20/04/2021	6/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	NNC	HOSE	19/04/2021	20/04/2021	5/5/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SDK	UPCoM	16/04/2021	19/04/2021	19/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DTV	UPCoM	15/04/2021	16/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	QNS	UPCoM	15/04/2021	16/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HAC	UPCoM	15/04/2021	16/04/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CFC	UPCoM	14/04/2021	15/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DAG	HOSE	14/04/2021	15/04/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu
18	FOC	UPCoM	13/04/2021	14/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 20,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	RAL	HOSE	13/04/2021	14/04/2021	26/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BSH	UPCoM	13/04/2021	14/04/2021	28/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CAT	UPCoM	12/4/2021	13/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VND	HOSE	12/4/2021	13/04/2021	22/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	KKC	HNX	9/4/2021	12/4/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GTH	UPCoM	9/4/2021	12/4/2021	7/5/2021	Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	GTH	UPCoM	9/4/2021	12/4/2021	7/5/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DHD	UPCoM	7/4/2021	8/4/2021	15/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	KBE	UPCoM	6/4/2021	7/4/2021	22/04/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NTR	UPCoM	5/4/2021	6/4/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

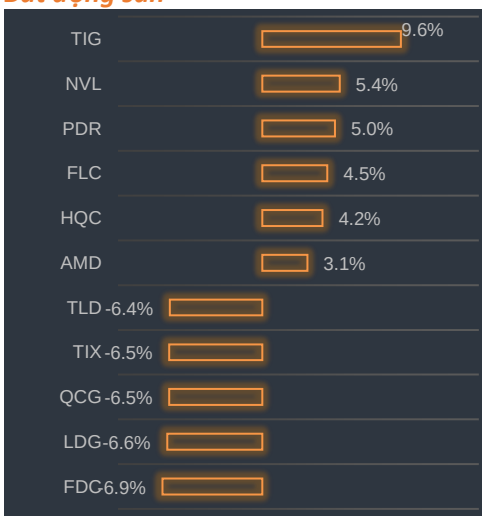
Tăng giảm ngành trong ngày



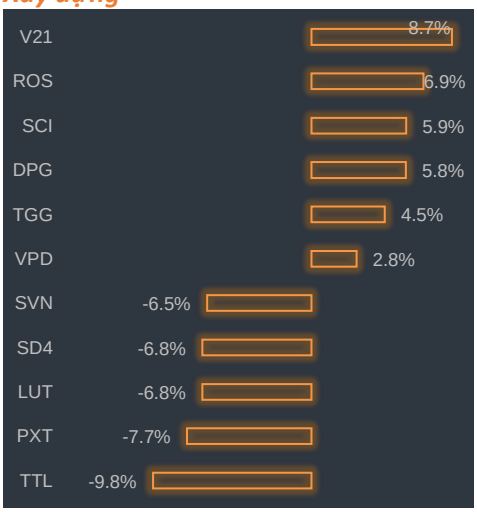
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	TIG, NVL, PDR
Xây dựng:	V21, ROS, SCI
Dầu khí:	HTC, SFC, PGD
Chứng khoán:	APS, MBS, IVS
Ngân hàng:	LPB, EIB, NVB

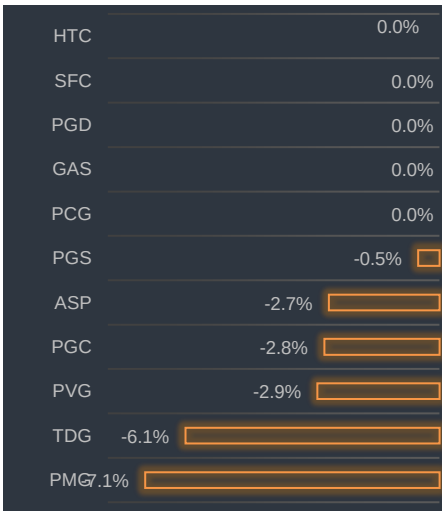
Bất động sản



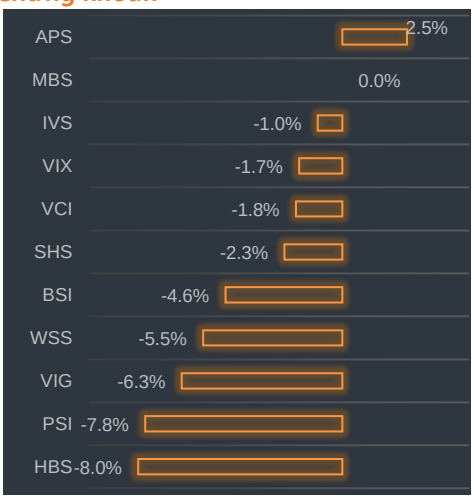
Xây dựng



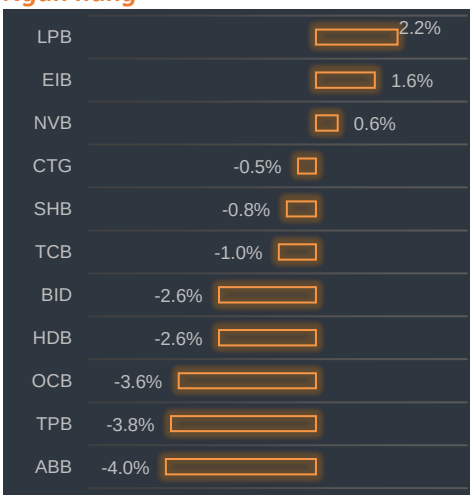
Dầu khí



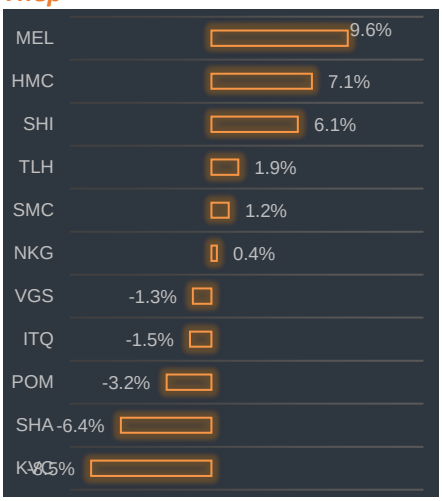
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)
Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889
https://www.vise.com.vn

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.7108 8848
Fax: 028 3915 2931